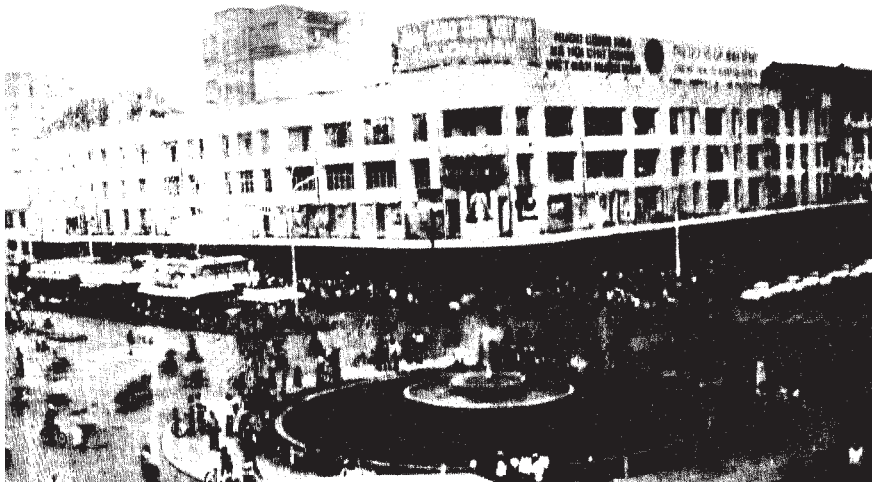


từ  
Sàigòn  
tới  
thành phố  
Hồ Chí Minh



PHẦN THỨ TƯ

CHÍNH SÁCH CẢI TẠO  
KINH TẾ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sau khi chính quyền miền Nam bị sụp đổ, Ủy Ban Quân Quản Thành Phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định (Cũng như tất cả các Ủy Ban Cách Mạng ở tỉnh) quyết định phong tỏa các chương mục trong ngân hàng. Các đại xí nghiệp và xí nghiệp bậc trung đều bị đặt dưới quyền kiểm soát của nhà nước. Một Ủy ban quản lý mới được thành lập ngay trong mỗi xí nghiệp, gồm các cán bộ, đa số từ miền Bắc vào Nam, đảm bảo xí nghiệp hoạt động bình thường. Các chủ xí nghiệp cũ được “Cách Mạng mời” cộng tác với chế độ

mới, với tư cách là “cổ vấn kỹ thuật”. Cùng lúc ấy, nhà nước ra lệnh kiểm kê các cơ xưởng tiểu thủ công nghiệp và tiệm buôn. Sau khi kiểm soát các xí nghiệp then chốt Sài Gòn, nhà nước bắt đầu áp dụng một số biện pháp cải tạo kinh tế, hành chính, để nắm giữ guồng máy kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh.

## I.- “ĐÁNH TƯ SẢN MẠI BẢN”

Giới cầm quyền Thành phố Hồ Chí Minh bất ngờ mở ra hai đợt “đánh” tư sản Sài Gòn:

### 1/- Đợt đánh tư sản vào trung tuần tháng 9 năm 1975

Tất cả kỹ nghệ gia, đại thương gia, mại bản, chủ nhân các cao ốc, khách sạn, nhà hàng, nhà in, hiệu sách lớn vv.. đều bị bắt nốt hoặc bị quản thúc tại gia. Tài sản của họ đều bị tịch thu (xí nghiệp, cơ sở, trụ sở thương mại, hàng hoá, biệt thự, xe hơi vv..). Kế tiếp, họ bị đuổi ra khỏi nhà cùng gia đình họ. Trong đợt đánh “tư sản mại bản” này, có khoảng 100 gia đình nạn nhân. Đợt đầu đánh tư sản đi đôi với việc đổi tiền. Tiền VNCH không còn giá trị nữa. Nhà nước ra lệnh nhân dân miền Nam nộp hết tiền nong vào ngân hàng. Mỗi chủ hộ gia đình phải mang theo tờ khai gia đình và khai báo đầy đủ chi tiết về tài sản của họ, trên một mẫu giấy đã được in sẵn. Tờ khai này phải được công an địa phương thị thực.

Mỗi chủ hộ được đổi tối đa 50.000 đồng để lấy 100 đồng của Mặt Trận Giải Phóng (500 đồng = 1,00 đồng MTGP = 0,80 quan Pháp, theo hối suất chính thức lúc bấy giờ). Mỗi người trong gia đình (có tên trong tờ khai gia đình, được đổi 25.000 đồng (lấy 50 đồng MTGP). Tuy nhiên, mỗi gia đình, dù nhiều người đến bao nhiêu đi nữa, chỉ có quyền đổi tối đa 100.000 đồng (lấy 200 đồng MTGP).

Tiền nong còn dư thừa đương nhiên bị nhà nước giữ lại trong ngân hàng. Vì tất cả các chương mục trong ngân hàng đều bị phong tỏa, nên các số tiền dư thừa của nhân dân bị xem như là mất không. Tuy nhiên, theo thông cáo của Ủy Ban Quân Quản Sài Gòn, thì số tiền đổi còn dư thừa, bị kẹt trong ngân hàng có thể xin lấy ra chút ít, trong một vài trường hợp đặc biệt như có tang gia, thân nhân bị bệnh trầm trọng phải vào nhà thương chữa trị. Trong các trường hợp này, chủ gia đình phải làm đơn xin, và đơn phải được công an phường xác nhận. Thủ tục hành chính thật rườm rà, cần phải chờ đợi đôi ba tháng. Nhưng đa số các đơn xin này đều bị ngân hàng từ chối, không cho đương sự rút ra một ít tiền để chi phí trong các trường hợp nêu trên. Nhờ việc phong tỏa ngân hàng và đổi tiền, chính phủ lại có dịp tiếp tục cuộc điều tra, tìm thêm tông tích của giới “tư bản”. Thành phần này được phân ra 2 loại:

— “Tư sản thương nghiệp”: Đại thương gia, trung

thương gia, giới trung gian, chủ tiệm ăn..

— “Tư sản dân tộc” (giới tiểu thủ công nghiệp).

Nhà nước xem các “tư sản thương nghiệp” là thành phần “bóc lột” nhân dân. Họ không phải là thành phần sản xuất, “rất nguy hiểm đối với chế độ xã hội chủ nghĩa”. Họ là “kẻ thù của nhân dân” vì họ đầu cơ tích trữ các nhu yếu phẩm, để trục lợi, “bóc lột giới nhân dân lao động”. Họ là nguyên nhân tạo ra tình trạng khan hiếm hàng hoá, gây ra nạn vật giá leo thang bất thường.

Ngược lại, “tư sản dân tộc” là thành phần thật sự sản xuất, rất cần thiết cho xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, nhà nước cần cải tạo họ (đa số là chủ nhân các ngành tiểu thủ công nghiệp), thay đổi phương pháp sản xuất, quản trị và thương mại cho thích hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa.

## **2/- Đợt đánh tư sản lần thứ nhì từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1978**

Để đập tan hệ thống thương mại của thời Việt Nam Cộng Hoà, Hà Nội quyết định đưa ra chiến dịch đại quy mô, đánh tư sản miền Nam trong đợt nhì, vào ngày 23-3-1978.

Đối tượng trong đợt đánh tư sản này là “tư sản thương nghiệp” ở thành phố Hồ Chí Minh và ở khắp các thành phố khác của miền Nam. Tất cả tài sản của họ đều bị nhà nước tịch thu (nhà cửa, cơ sở thương mại, xe hơi vv..). Chính phủ

ấn định kỳ hạn là một tháng, họ phải rời khỏi thành phố Hồ Chí Minh, cùng với tất cả thân nhân gia đình, đi sinh cơ lập nghiệp tại các vùng kinh tế mới. Họ phải chuyển nghiệp trở thành nông dân trồng lúa, chăn nuôi hoặc đánh cá, góp phần vào “công việc thật sự sản xuất”.

Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1978, có khoảng 30.000 gia đình “tư sản thương nghiệp” đã rời khỏi thành phố Hồ Chí Minh, chưa kể đến hàng chục ngàn hộ tư sản khác ở khắp các tỉnh miền Nam cũng đã phải chịu chung số phận. Bị tống khứ ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh, giới tư sản thương nghiệp có thể lựa chọn sinh sống tại các vùng kinh tế mới :

— Hoặc tại các tỉnh miền Đông, ven biên giới Việt Miên như Tây Ninh, Sông Bé hay Đồng Nai. Họ phải khẩn hoang đất đai để trồng các loại cây lương thực hoặc xin làm công nhân trong các đồn điền cao su quốc doanh.

— Hoặc tại các nông trường như Lê Minh Xuân, Nhị Xuân, Thái Mỹ, Phạm Văn Cội I, Phạm Văn Cội II v.v.. của vùng thành phố Hồ Chí Minh. Tại các nông trường này, họ trở thành công nhân, với đồng lương chết đói.

— Hoặc tại các vùng kinh tế mới của các tỉnh đồng bằng Cửu Long (Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải..). Họ phải tự khai hoang đất trồng, biến các vùng đầm lầy, đất phèn, đất mặn thành ruộng lúa để mưu sinh, hoặc làm các

nghe khác như nuôi gia cầm (gà vịt, heo) hay đánh cá vv...

— Độ 500 hộ “tư sản” xin “tình nguyện” đi các vùng kinh tế mới ở tỉnh Lâm Đồng trên Cao nguyên Trung bộ. Họ đi khẩn hoang rừng rậm của miền đất đỏ phì nhiêu, để thành lập nông trại chuyên trồng cây kỹ nghệ hay cây dược phẩm được nhà nước khuyến khích.

Được xem là thành phần “thật sự sản xuất”, giới “tư sản dân tộc” được chính phủ mời cộng tác. Các xí nghiệp và cơ sở gia đình trở thành xí nghiệp “công tư hợp doanh”, do nhà nước quản lý. Họ đảm nhận vai trò “cố vấn kỹ thuật” bên cạnh một giám đốc (gốc cán bộ cách mạng) và một ủy ban quản trị mới, đa số hội viên đều là cán bộ do chính quyền bổ nhiệm. Tất cả các chủ xe đò, xe vận tải, xe chở hành khách, ghe bầu, tàu đánh cá vv.. đều cũng được chính quyền cách mạng “mời” cộng tác. Bị sát nhập vào các hợp tác xã, tất cả các phương tiện sản xuất của giới “tư sản dân tộc” biến thành sở hữu của tập thể, do nhà nước quản lý. Chính phủ tôn trọng quyền sở hữu khác của họ như là nhà cửa, xe hơi và cấp phát cho gia đình họ hộ khẩu. Họ có quyền cư ngụ ở thành phố Hồ Chí Minh. Họ được hưởng qui chế “công nhân viên”, với đồng lương rẻ mạt, từ 60 đến 85 đồng mỗi tháng. Rất ít người được đồng hoá với cấp bậc “chuyên viên”, lãnh mỗi tháng 105 đồng. Mặc dù thế, giới “tư sản dân tộc” phải “vui lòng” cộng tác với nhà nước, để

khỏi đi kinh tế mới. Lẽ dĩ nhiên, bị mất một phần lớn tài sản, làm việc với đồng lương quá thấp, giới tư sản chán nản, không hết lòng cộng tác với chánh phủ, không đưa ra sáng kiến giúp cán bộ cải tiến kỹ thuật, gia tăng năng suất.

Giới tiểu thương và giới bán lẻ được phép hành nghề, với điều kiện là phải tập trung buôn bán ở các khu phố do nhà nước quy định. Giá cả hàng hoá phải do chánh phủ ấn định và kiểm soát.

Đợt cải tạo kinh tế này đi song hành với việc đổi tiền lần thứ nhì. Do một nghị định số 87 của thủ tướng Phạm Văn Đồng (tuyệt đối bảo mật) ký ngày 25 tháng 4 năm 1978, nhà nước quyết định thống nhất tiền tệ trên toàn quốc. Việc áp dụng nghị định này bắt đầu ngày 3-5-1978. Chủ hộ ở thành phố thêm một lần nữa phải kê khai tiền nong. Nhà nước quy định việc đổi tiền như sau:

— *Tại thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác của miền Nam*

\* *Độc thân* : 100 đồng của Mặt Trận Giải Phóng đổi lấy 120 đồng (1 đồng = 0,78 quan Pháp với giá chánh thức lúc bấy giờ).

\* *Gia đình có 2 người* : 200 đồng của Mặt Trận Giải Phóng đổi lấy 240 đồng.

\* *Gia Đình có 3 người* : 250 đồng của Mặt Trận Giải Phóng đổi lấy 300 đồng.

Các gia đình của thành phố Hồ Chí Minh, có từ 3 người trở lên, được phép đổi tối đa 500 đồng (tương đương khoảng 390 quan Pháp).

— *Tại nông thôn*

\* *Độc Thân* : 50 đồng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đổi lấy 60 đồng

\* *Gia Đình 2 người* : 100 đồng Mặt Trận Giải Phóng đổi lấy 120 đồng

\* *Gia Đình 3 người* : 125 đồng Mặt Trận Giải Phóng đổi lấy 150 đồng.

Tất cả các gia đình nông thôn, dù có nhiều thân nhân bao nhiêu đi nữa, chỉ được quyền đổi tối đa 300 đồng.

Số tiền còn dư thừa đương nhiên bị ngân hàng giữ lại. Tuy nhiên, các gia đình thành thị và nông thôn có thể rút tiền ra khỏi ngân hàng, với điều kiện là số tiền bị ngân hàng phong tỏa lúc đổi tiền, không vượt quá 1000 đồng của Mặt Trận Giải phóng. Nếu vượt quá số tiền quy định này, thì đương sự phải làm đơn giải thích nguồn gốc của số tiền và lý do rút ra số tiền. Giới “tư sản thương nghiệp”, sau khi đi sinh cơ lập nghiệp tại các vùng kinh tế mới, có thể xin nhà nước rút tiền còn kẹt trong ngân hàng, với điều kiện là dùng tiền này để đầu tư tạo lập nông trại (trồng thom, cây kỹ nghệ, dược thảo..), hoặc hợp tác hai xã ngư nghiệp, theo chính sách của nhà nước. Giới “tư sản dân tộc” cũng được

quyền rút tiền còn bị kẹt trong ngân hàng, với điều kiện là dùng tiền này để đầu tư thành lập hay mở rộng, canh tân xí nghiệp.

Trong những trường hợp kể trên, tiền của họ bị xem như là mất hết, vì đầu tư trong các cơ sở “công ty hợp doanh” thuộc quyền sở hữu của tập thể, do nhà nước quản lý.

**3/- Bãi bỏ tư thương chuyển vận hàng hóa từ nông thôn về thành phố**

Do nghị định của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký ngày 31-3-1978, nhà nước cấm tự do lưu thông hàng hoá giữa các tỉnh và từ các tỉnh về thành phố. Chính sách “phong tỏa” thành phố nhằm mục đích:

— Làm tê liệt vấn đề giao thương giữa các tỉnh

— Biến tất cả các tỉnh phía Nam thành “nhiều quốc gia nằm trong một quốc gia”, đúng với chỉ thị của Tổng bí thư Lê Duẩn, theo đó, mỗi Huyện là “một đơn vị kinh tế” phải tự thỏa mãn nhu cầu của mỗi địa phương, nghĩa là phải tự lực cánh sinh về mặt kinh tế. Trong thời chiến, mỗi huyện sẽ biến thành một “đơn vị tác chiến”.

— Cô lập thành phố Hồ Chí Minh đối với các tỉnh miền Nam. Các chính quyền địa phương tăng cường hệ thống kiểm soát các trục giao thông đường bộ và đường thủy quy tụ về Thủ đô miền Nam. Nếu bị bắt quả tang, chính quyền tịch thu hàng hoá, phạt người buôn bán thật nặng và

có thể bị đưa đi “học tập cải tạo”.

Tóm lại, với những biện pháp cải tạo kinh tế, nhà nước tìm đủ mọi cách:

- “Bàn cùng hoá” giới tư sản Sài Gòn,
- “Bàn cùng hoá” nhân dân miền Nam,
- Hủy bỏ tư thương và thay thế thương nghiệp quốc doanh từ các tỉnh về thành phố Hồ Chí Minh.

— Tạo ra hiện tượng ối độn hàng hoá một cách giả tạo tại các tỉnh miền Nam, từ trước đến nay có truyền thống chuyên chở hàng hoá về bán tại Sài Gòn. Vì không thể chuyển vận ra khỏi tỉnh, nông dân phải bán nông sản cho nhà nước. Các hợp tác xã tiêu thụ, các gian hàng, các nhà hàng quốc doanh... được thành lập ở các quận, phường của thành phố Hồ Chí Minh, tại vị trí của các cơ sở thương mại cũ bị nhà nước tịch thu. Từ ngày đánh tư sản thương nghiệp, nhà nước nắm giữ trọn vẹn tư bản trên toàn quốc và là chủ nhân duy nhất của các xí nghiệp then chốt ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà nắm độc quyền mọi phương tiện giao thông và vận tải, mọi lãnh vực thương mại (quốc nội và quốc tế). Hà Nội tìm cách khống chế nền kinh tế nông thôn miền Nam, nguồn gốc cung ứng nhu yếu phẩm và nguyên liệu. Trong viễn ảnh đó, nhà cầm quyền hành động để đạt đến mục tiêu. Nhưng vì hấp tấp áp đặt các biện pháp xã hội chủ nghĩa (đi đôi với chính sách tập thể hoá cưỡng bách đất đai), nhà nước không

những gặp phải sự chống đối của toàn thể “dân Sài Gòn”, mà còn phải gặp sự chống kháng của toàn thể nông dân tại đồng bằng Cửu Long. Sự kiện này được đưa đến nhiều hậu quả tai hại trên mọi lãnh vực kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh.

## II- Hậu quả của chính sách cải tạo kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm 1975-1979

### 1/- Khan hiếm nhu yếu phẩm và giá cả tăng vọt

Hệ thống thương nghiệp quốc doanh (vận tải phân phối hàng hoá) vô hiệu quả, vì một nguyên nhân rất đơn giản: giới tư thương và nông dân từ chối, không chịu bán nông sản cho nhà nước với giá rẻ mạt. “Vành đai xanh”, kết hợp với thành phố HCM tạo thành một “đơn vị kinh tế”,<sup>1</sup> không đủ khả năng đảm bảo tự túc cho dân Sài Gòn về các nhu yếu phẩm, và cho các kỹ nghệ thành phố về nguyên liệu.

(1) Vành đai xanh Thành phố Hồ Chí Minh tập trung 6 Huyện nông nghiệp (Nhà Bè, Bình Chánh, Thủ Đức, Hóc Môn, Củ Chi và Duyên Hải).

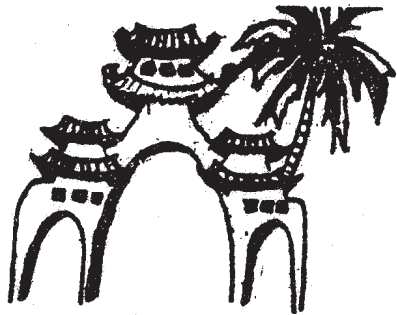
— Diện tích đất trồng :

60.000 mẫu ruộng (25% cho hai vụ mỗi năm).

11.000 mẫu đất trồng các loại hoa màu phụ (rau cải, thuốc lá, đậu phộng, bắp v.v..)

Dân “Sài Gòn” tiêu thụ trung bình mỗi ngày 1.300 tấn gạo, 200 tấn cá, 700 tấn rau, 300 tấn trái cây, 400 tấn than củi v.v..

Vì thiếu nguồn cung cấp nhu yếu phẩm từ các tỉnh phía Nam, nên Sài Gòn gặp ngay tức khắc vấn đề khan hiếm hàng hoá. Thương nghiệp quốc doanh chỉ đảm bảo có 30% nhu cầu của “dân Sài Gòn” về nhu yếu phẩm. Việc hủy bỏ tư thương từ các tỉnh về Thành phố năm 1978 là nguyên nhân gây ra nạn khan hiếm nhu yếu phẩm, đưa đến hậu quả trầm trọng là vật giá tăng vọt tại thành phố Hồ Chí Minh.



**Biến chuyển giá cả “tự do” của nhu yếu phẩm  
tại chợ Bến Thành của Thành phố Hồ Chí Minh  
từ 1975 đến 1980**

Loại hàng hoá	1975 <sup>1</sup>	1976	1977	1978	1979	1980
1 Kg gạo xấu	0,4đ	1,5đ	3đ	12đ	8đ	7đ
1 Kg gạo vàng Hương	0,6đ	2đ	4đ	14đ	10đ	10đ
1 Trứng vịt	0,08đ	0,5đ	0,6đ	0,9đ	0,8đ	0,8đ
1 Kilo thịt bò	3,7đ	9đ	11đ	20đ <sup>2</sup>	30đ <sup>2</sup>	43đ <sup>3</sup>
				18đ <sup>3</sup>	28đ <sup>3</sup>	40đ <sup>3</sup>
1 Kilo thịt heo	4đ	10đ	12đ	22đ <sup>2</sup>	32đ <sup>2</sup>	45đ <sup>2</sup>
				30đ <sup>3</sup>	45đ <sup>3</sup>	50đ <sup>3</sup>
1 Lít xăng	0,5đ	3đ	4đ	8đ	15đ	15đ <sup>2</sup>
						20đ <sup>3</sup>

Tình trạng lạm phát và vật giá leo thang trở nên trầm trọng hơn nữa, vì các thiên tai và nông dân chống đối chính sách tập thể hoá đất đai cưỡng bách trong những năm 1978-1979; họ từ chối không hợp tác với các tập đoàn sản xuất: mỗi tuần, họ chỉ làm đôi ba ngày với tập thể, họ đến làm việc trễ, ra về sớm, không quan tâm đến kỹ thuật canh

- 
- (1) Giá cả trước ngày miền Nam bị sụp đổ  
(2) Giá cả đệ nhất lục cá nguyệt  
(3) Giá cả đệ nhị lục cá nguyệt

tác tạo năng suất cao cho tập thể vv..

Nông dân tự ý bỏ hoang một phần ruộng đất, vì sưu cao thuế nặng. Do đó sản xuất lúa gạo và các cây lương thực khác của miền Nam bị tụt giảm đột ngột.

Trong vòng 1 năm, giá gạo “tự do” tăng vọt gấp 4 lần, giá thịt, xăng tăng vọt gấp 5 lần vv.. Vật giá leo thang làm cho dân Sài Gòn bất mãn. Bị ảnh hưởng trầm trọng của nạn lạm phát năm 1978 là thành phần cán bộ, công nhân viên và công nhân có đồng lương cố định từ 10 năm qua (đối với cán bộ), từ năm 1975 (đối với công nhân viên và công nhân). Lương của họ thấp được bù đắp một phần nào nhờ “tiêu chuẩn của chế độ”. Họ được mua với giá chính thức một số nhu yếu phẩm. Nhưng đồng lương mỗi tháng không đủ đảm bảo mức sống tối thiểu của chính bản thân họ, chưa kể đến gánh nặng gia đình gồm có ít nhất 5 thân nhân. Đối với người dân lao động, mỗi gia đình có hộ khẩu chỉ được quyền mua với giá chính thức :

— 11 kí lô lương thực (trong đó có 3 ký gạo) mỗi đầu người, mỗi tháng (9 kí lô cho trẻ con dưới 15 tuổi).

— Nửa kí lô thịt heo / mỗi gia đình / tháng.

Cán bộ cấp trung và cấp thấp, công nhân viên và công nhân không đủ ăn, phải làm những công việc khác, ngoài các giờ làm việc trong cơ sở và xí nghiệp. Họ phải làm thêm việc ban đêm và ngày chúa nhật và vợ con họ phải đi buôn

bán ở chợ trời. Giới trưởng giả Sài Gòn bị chính quyền “cách mạng” gạt bỏ ra ngoài lề xã hội (luật sư, dược sĩ, cựu cán bộ cao cấp của chế độ cũ vv..) và các gia đình gốc “ngụy quân và ngụy quyền” bị xem là thành phần bất hảo, phải làm đủ thứ công việc để tự mưu sinh (buôn bán chợ trời, thợ mộc, thợ hồ, thợ điện, thợ sửa ống nước, phu xích lô đạp vv..). Các gia đình khác không tìm được việc làm, phải sống bằng cách bán lần hồi của cải như xe hơi, xe gắn máy, xe đạp, nhà cửa, máy truyền hình, quần áo, bàn ghế, tủ, vàng, hột xoàn vv..

## 2/ Nạn chợ đen phát triển mạnh mẽ

Vì nạn khan hiếm hàng hoá và vì sự sai biệt giá cả tự do giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh chênh lệch nhau nhiều (trên gấp đôi), nên nạn chợ đen có cơ hội phát triển mạnh mẽ.

Loại hàng hoá	Giá nhà nước	Giá tự do (năm 1978)		
		T.p.H.C.M	Mỹ Tho	Cần Thơ
1 Kg gạo xấu	0,4đ	12đ	5đ	4đ
1 Kg gạo thơm				
nàng Hương	0,50đ	14đ	6đ	5đ
1 Kg thịt heo	3,2đ	30đ	14đ	13đ
1 Kg thịt bò	3đ	38đ	12đ	11đ

Mặc dù chính quyền địa phương tăng cường các trạm kiểm soát hàng hoá, dọc theo các trục giao thông từ các tỉnh



đi về thành phố HCM, giới buôn bán và nông dân vẫn thành công đem “chui” gạo, thịt, cá lên đến tận Sài Gòn, bằng cách móc ngoặc, hối lộ công an địa phương. Hơn nữa, đồng bằng Cửu Long có nhiều kinh đào, sông rạch chằng chịt. Sông Cửu Long, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Đồng Nai và sông Sài Gòn ăn thông với nhau nhờ nhiều sông rạch nhỏ và vô số kinh đào, đôi khi bề ngang chỉ rộng độ vài thước. Chính nhờ các sông rạch và kinh đào, lại có rừng sát mọc dọc theo các đường thủy này, giới tư thương chở lậu hàng hoá trên các chiếc xuồng nhỏ giep, đến tận ngoại ô Sài Gòn. Tại đây, giới buôn bán lẻ được công an phường tham nhúng che chở, giúp họ đem hàng hoá ra chợ bán. Nhờ sự đồng lõa của chính quyền địa phương ở mọi cấp, đường dây tư thương được tổ chức chu đáo. Chính phủ tỏ ra bất lực, trước nạn buôn bán chợ đen làm thiệt hại nền thương nghiệp quốc doanh. Nhà nước không thể ổn định vật giá của các nhu yếu phẩm. Vì đời sống quá đắt đỏ, nên dân Sài Gòn bất mãn. Cán bộ, công nhân viên, và công nhân ăn không đủ no. Giới nhân dân lao động luôn luôn sống trong ám ảnh sẽ bị nạn đói kém. Tình trạng này lại càng trở nên bi đát hơn nữa, trước thảm cảnh của các gia đình từ các vùng kinh tế mới quay trở về thành phố Hồ Chí Minh. Họ phải bỏ trốn các vùng này, vì thiếu ăn, vì bệnh hoạn, vì chiến tranh tàn phá các vùng kinh tế mới, ven biên giới Việt Miên.

### 3/- Sản lượng kỹ nghệ tụt giảm và tiểu thủ công nghiệp bị tê liệt

Kỹ nghệ của thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu gặp nhiều khó khăn, cuối năm 1977, bị khủng hoảng trầm trọng nhất là các ngành kỹ nghệ luyện kim, dệt và thực phẩm (sử dụng 89% công nhân thành phố)

#### — Kỹ nghệ luyện kim

Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt. Sắt vụn, do quân lực Mỹ để lại bị kiệt quệ. Vì không cung cấp điều hoà về nguyên liệu, nên các lò luyện thép và các xí nghiệp cán sắt, thép, nhôm không thể hoạt động bình thường. Vào năm 1987, 50% lò luyện thép phải ngưng hoạt động, vì thiếu nguyên liệu và đồ phụ tùng thay thế. Một số xí nghiệp được cải biến, trở thành xí nghiệp cơ khí. Do đó, một số công nhân bị sa thải.

#### — Kỹ nghệ dệt và kỹ nghệ thực phẩm

Kỹ nghệ dệt và kỹ nghệ thực phẩm là căn bản của nền kỹ nghệ Thành phố HCM, sử dụng 50% công nhân.

Ngành dệt và may cắt quần áo hoàn toàn lệ thuộc vào nguyên liệu nhập cảng. Vì thiếu ngoại tệ, nên nhà nước không thể nhập cảng đầy đủ số lượng, để đáp ứng nhu cầu hoạt động của các xí nghiệp.

Ngành kỹ nghệ thực phẩm, tuy gặp nhiều khó khăn, vẫn hoạt động, bằng cách sử dụng các nông sản bản xứ, thay

thế các nguyên liệu nhập cảng bị thiếu hụt. Nhà nước áp dụng phương thức “thương nghiệp đổi chác”, bằng cách trao đổi các chế phẩm lấy mía, thuốc lá, dừa khô, đậu phộng vv..của chánh quyền tỉnh. Nhưng hình thức thương mại này không quan trọng mấy, vì giới nông dân từ chối, không bán cho nhà nước nông sản của họ với giá rẻ mạt.

Ngoài ra, còn có nhiều nguyên nhân khác trùng hợp làm cho nền kỹ nghệ thành phố HCM bị khủng hoảng trầm trọng, trong những năm 1978-1979 :

— Chính sách tập thể hoá cưỡng bách đất đai, các thiên tai (bão lụt năm 1978, sâu rầy tàn phá mùa màng năm 1978-1979) làm cho sản lượng nông nghiệp miền Nam bị tụt giảm.

— Sau khi thực hiện tham vọng chế ngự 3 nước của bán đảo Đông Dương, Việt Nam lại có ý đồ bành trướng thế lực khắp vùng Đông Nam Á. Do đó, Việt Nam theo phe Liên Xô, áp dụng chính sách thù nghịch với Trung Cộng, không “đếm xỉa” đến quyền lợi của Trung Cộng trong vùng này. Lẽ tất nhiên, Trung Quốc không thể chấp nhận ý đồ của Việt Nam kết hợp với Hoa Kỳ phong tỏa ảnh hưởng kinh tế, chính trị và quân sự của họ tại vùng Đông Nam Á. Sự kiện này đã đưa đến hậu quả là cuộc tranh chấp bùng nổ giữa hai nước xã hội chủ nghĩa anh em (một điều chưa từng trông thấy trên thế giới từ trước đến giờ). Tố cáo Việt

Nam là “một nước Cuba Á Châu phục vụ chủ thuyết bành trướng Liên Xô”, Trung quốc quyết định hủy bỏ chính thức mọi viện trợ kinh tế, tài chánh và kỹ thuật cho Việt Nam bắt đầu từ tháng 7 năm 1978. Bị mất hết nguồn tài trợ này được ước lượng khoảng 10 tỷ Mỹ kim từ năm 1965 đến giữa tháng 6 năm 1978 (tính trung bình 300 triệu Mỹ kim mỗi năm, trong khoảng thời gian này, theo phóng viên Elizabeth Becker của tờ báo Washington Post đã nhiều lần viếng thăm Việt Nam trước và sau năm 1975), nền kinh tế Việt Nam gặp ngay tức khắc nhiều khó khăn nan giải. Hà Nội phải trông cậy vào sự ủng hộ của khối Liên Xô. Trở thành hội viên thứ 10 của thị trường chung Đông Âu (Comecon) từ tháng 7 năm 1978. Việt Nam đặt nhiều tin tưởng vào các nước xã hội chủ nghĩa anh em Đông Âu viện trợ họ về kinh tế và kỹ thuật. Nhưng vì quyền lợi chính trị và chiến lược, Liên Xô chỉ viện trợ kinh tế cho Việt Nam dưới hình thức nhỏ giọt, bắt buộc Hà Nội đi tìm các nguồn viện trợ khác:

\* Tháng 7 năm 1978 (theo một nguồn tin của Ngân Hàng Đông Kinh), Việt Nam đã ký kết một thỏa hiệp thương mại với Nhật Bản, vay mượn 10 tỷ Yens (50 triệu Mỹ kim) trong năm 1978. Chính phủ Nhật hứa sẽ cho vay thêm một ngân khoản tương đương, vào năm 1979. Nhưng thỏa hiệp thương mại này không được áp dụng, vì Nhật Bản quyết định không giao thương với Việt Nam, sau khi quân

đội Việt Nam xâm lăng vào nước Miên, cuối tháng chạp, năm 1978.

\* Cũng như Nhật Bản, Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu yêu cầu Việt Nam rút hết quân đội chiếm đóng Cao Miên, điều kiện tiên quyết, trước khi các nước của Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu duyệt xét các vấn đề viện trợ kinh tế và nhân đạo cho nước Việt Nam. Hoa Kỳ cũng từ chối, không chấp thuận tái thiết lập ngoại giao và thương mại với Việt Nam, thể theo lời yêu cầu của nước này, qua đường dây liên lạc của Xuân Thủy (nguyên trưởng phái đoàn Bắc Việt trong cuộc hoà đàm chiến tranh Việt Nam tại Bá Lê), nhân danh Tổng bí thư Lê Duẩn, vào tháng 8 năm 1978, không đặt điều kiện tiên quyết đòi viện trợ tái thiết Việt Nam trong thời hậu chiến. Cũng nên nhắc lại rằng từ năm 1975, Hà Nội không ngớt đòi hỏi Hoa Kỳ phải tái thiết Việt Nam thời hậu chiến, vì Hoa Kỳ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trong cuộc chiến tranh tàn phá này (theo tinh thần của Hiệp Định Ba Lê ngày 27-1-1973, ngân khoản viện trợ kinh tế Mỹ lên đến 5,3 tỷ mỹ kim, trong số tiền này 3 tỷ mỹ kim dành cho Việt Nam và phần còn lại dành cho 2 nước Miên Lào. Ngân khoản viện trợ kinh tế thời hậu chiến này là điều kiện tiên quyết, nếu Hoa Kỳ muốn tái lập bang giao với Việt Nam).

\* Nước Pháp cũng từ chối không tháo khoán ngân khoản 200 triệu quan viện trợ kinh tế cho Việt Nam (thủ

tục của thỏa hiệp thương mại này dưới hình thức cho vay đã được ký kết vào tháng chạp năm 1981)

Như vậy, nước Việt Nam đã bị Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Tây Phương bao vây, về mặt kinh tế. Vì nhu cầu khẩn cấp về nguyên liệu, Hà Nội xoay qua các nước thế giới Thứ ba:

\* Cộng Hoà Ấn Độ hứa vào năm 1978 viện trợ kinh tế cho Việt Nam mua Mễ cốc, nguyên liệu, các vật liệu hỏa xa và hứa giúp Việt Nam đào tạo các nhà khoa học, hoàn tất xây cất một số cơ xưởng mà Trung Cộng thực hiện còn dang dở ở miền Bắc. Nhưng lời hứa của Ấn Độ cho đến nay cũng chưa được thực hiện.

\* Thái Lan và các nước hội viên của Hiệp Hội Đông Nam Á từ chối không giao thương với Việt Nam. Một phái đoàn Thái Lan chính thức viếng thăm Việt Nam vào trung tuần tháng 6 năm 1978, cho biết rằng họ không thể bán, dưới hình thức tín dụng, 25 triệu mỹ kim sợi bông vải và 6 triệu mỹ kim bắp và tấm. Theo tuần báo "Review Nation" xuất bản tại Vọng Các ngày 28-7-1979, bộ trưởng Thương Mãi Thái Lan bác bỏ đề nghị của Hà Nội về việc "thương mại đổi chác" giữa máy cày "thặng dư" của Việt Nam lấy gạo Thái Lan. Hơn nữa, hình thức "thương mại đổi chác" này sẽ gây nhiều trở ngại cho tương lai, trên phương diện bảo trì máy móc, không có đồ phụ tùng thay thế. Hơn nữa,

các máy cày chưa chắc đã phù hợp với điều kiện đất đai ở Thái Lan (thật ra, máy cày “thặng dư” ở Việt Nam là sự viện trợ kỹ thuật của các nước trong khối Liên Xô. Nhưng máy cày Liên Xô không thích hợp điều kiện đất đai của Việt Nam. Vì không thể sử dụng được, nên máy cày viện trợ này được tập trung ở các bãi đậu xe nằm dọc theo xa lộ, nối liền thành phố Hồ Chí Minh với Biên Hoà, gần cầu xa lộ trên sông Sài Gòn).

Tóm lại, từ khi quân lực Cộng Sản Việt Nam xâm lăng nước Miên, Việt Nam hoàn toàn bị cô lập về mặt kinh tế, chính trị và ngoại giao đối với thế giới bên ngoài. Vì thiếu ngoại tệ, nên Việt Nam không thể nhập cảng đầy đủ nguyên liệu và đồ phụ tùng của thế giới tự do, rất cần thiết để đảm bảo các kỹ nghệ thành phố HCM và các ngành kỹ nghệ khác trên toàn quốc hoạt động đều hoà.

Trong buổi họp báo tại Ba Lê, ngày 9-6-1980, Trương Như Tảng, nguyên bộ trưởng Bộ Tư Pháp của nội các lâm thời Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (1967-1976), ty nạn chánh trị tại Pháp từ năm 1980, cho biết rằng hiện Việt Nam đang bị thiếu hụt trầm trọng về lương thực, nguyên liệu và đồ phụ tùng kỹ nghệ. “Các ngành kỹ nghệ nhẹ biến chế của thành phố Hồ Chí Minh, sản xuất các loại chế phẩm tiêu dùng, chỉ hoạt động 50% so với khả năng sản xuất của chúng”.

— *Tiểu thủ công nghiệp và xí nghiệp gia đình cũng gặp nhiều khó khăn về mặt nguyên liệu. Chính sách cấm lưu thông hàng hoá từ các tỉnh về thành phố Hồ Chí Minh làm cho việc tìm mua nguyên liệu gặp thêm nhiều trở ngại. Trên thị trường “tự do” giá nguyên liệu đắt gấp 10 hoặc 15 lần giá chính thức. Nhưng theo tinh thần cải tạo kinh tế từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1978, thì các xí nghiệp tư doanh phải bán tất cả chế phẩm cho nhà nước. Trong điều kiện này, các xí nghiệp tư doanh sẽ bị khánh tận tức khắc. Nếu họ từ chối, không chịu áp dụng đúng đắn các quy định của chánh phủ, thì chính quyền địa phương sẽ đưa ra nhiều biện pháp mạnh để trừng trị họ. Trong số những biện pháp này, hiệu quả hơn hết là việc kiểm soát thuế má. Thanh tra thuế vụ, có quyền ấn định tùy tiện số tiền phạt. Số tiền thu thuế lợi tức, thuế môn bài, không dựa trên tiêu chuẩn hay trên pháp lý nào cả. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhất nữa là kiểm soát thuế vụ. Thanh tra thuế vụ quy định tùy tiện thuế lợi tức của xí nghiệp, chủ nhân xí nghiệp phải nộp đầy đủ. Mỗi lần thu thuế, chính quyền cấp một biên lai ghi rõ “số tiền thuế tạm thu”. Đợi ba tháng sau, thanh tra đến kiểm soát, ép buộc chủ nhà phải nộp thêm thuế vv., và cuối năm, lại có thêm một lần kiểm tra thuế. Nhiều khi nhà nước cho rằng xí nghiệp khai gian thuế, phạt chủ nhân tội này, bắt họ phải trả thuế trong 5 hay 10 năm trước. Bị sưu cao thuế*

nặng, chủ nhân xí nghiệp không còn giải pháp nào khác hơn là “tình nguyện hiến” cho nhà nước hoặc đóng cửa cơ xưởng. Có nhiều trường hợp chủ nhân không thể đóng cửa hãng được, vì nhà nước bắt buộc phải nộp đủ thuế, nếu không, nhà cửa và tài sản của họ sẽ bị tịch thu vv..

Một số ít “tư sản dân tộc” đầy thiện chí, bằng lòng hợp tác với nhà nước và đầu tư vốn thành lập xí nghiệp mới. Họ được nhà nước cam kết cung cấp nguyên liệu và đồ phụ tùng thay thế khi máy bị hư hỏng, với giá chính thức. Nhưng khi xí nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất, nhà nước làm áp lực, ép buộc họ cải biến xí nghiệp thành xí nghiệp công tư hợp doanh, mới được chính quyền cung cấp nguyên liệu đều hoà. Trở thành “cố vấn kỹ thuật”, các chủ nhân bị xem như là một công nhân trong xí nghiệp và tài sản đầu tư vào “xí nghiệp công tư hợp doanh” này biến thành tài sản của tập thể do nhà nước quản lý hay nói cách khác, vốn của họ đã bị mất không. Bị tán gia bại sản, giới tư sản dân tộc đầy thiện chí này đâm ra nản lòng, không cảm thấy phấn khởi làm việc trong xí nghiệp.

Đối với chánh quyền Hà Nội, có tài sản là phạm trọng tội. Làm việc có nhiều tiền là bất chánh, khi họ muốn nhân công làm việc cho họ. Bởi những lý do nêu trên, giới “tư sản dân tộc” không thích hợp tác với nhà nước. Đa số có thái độ bất động, thay vì đem hết khả năng, óc sáng tạo và kinh

nghiệm kỹ thuật của họ để phục vụ cho xí nghiệp. Thái độ bất động, bất hợp tác này lẽ tất nhiên đưa đến hậu quả là nền kỹ nghệ của thành phố Hồ Chí Minh không thể hoạt động đúng với năng suất của nó. Sản lượng của các xí nghiệp quốc doanh bị tụt giảm, các tiểu thủ công nghiệp gia đình bị tê liệt, vì thái độ bất động của giới “tư sản dân tộc”. Do đó, các chế phẩm tiêu dùng và thực phẩm bị khan hiếm, làm cho giá cả của các loại nhu yếu phẩm này tăng vọt mạnh trên thị trường tự do trong những năm 1978-1979

#### 4/- Khủng hoảng trầm trọng trong các ngành dịch vụ

Trước khi miền Nam bị sụp đổ, các hoạt động kinh tế của khu đệ tam đẳng (dịch vụ) có quan hệ với chiến tranh, đã trải qua một thời kỳ đầy khó khăn. Cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng nhiều hơn nữa, sau ngày 30-4-1975, bởi nhiều lý do:

— Các hộp đêm khiêu vũ, các phòng trà ca nhạc, các nhà tắm hơi vv.. bị đóng cửa.

— Các tửu lâu, các khách sạn sang trọng vv.. bị tịch thu.

— Các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các nhà xuất nhập cảng, khai quan thuế, các siêu thị, các nhà sách lớn vv.. bị quốc hữu hoá (không có bồi thường thiệt hại).

— Hủy bỏ hoàn toàn các đường hàng không quốc tế, ngoại trừ có một chuyến bay mỗi tuần lễ, do công ty Hàng

Không Pháp đảm bảo (theo một thỏa ước được ký kết giữa hai chính phủ Pháp Việt, để hồi hương Pháp Kiều và các cộng sự viên của Pháp). Các đường bay quốc nội bị hạn chế đến mức tối thiểu và chỉ dành riêng cho giới du khách ngoại quốc và các cán bộ cao cấp đi công cán. Số du khách ngoại quốc này rất ít ỏi, đa số từ các nước của khối Liên Xô qua Việt Nam.

Việc sa thải ồ ạt “ngụy quân và ngụy quyền” (khoảng 200.000 người, trong số này có 50% quân nhân 50% công chức, cảnh sát, quân cảnh, công an của Bộ Ngoại Giao, Nội Vụ, Quốc Phòng vv..), đi song hành với chính sách cải tạo kinh tế làm gia tăng thêm thất nghiệp và làm tê liệt các ngành dịch vụ then chốt, mà trước kia các ngành này rất phồn thịnh, tạo công ăn việc làm cho hai phần ba tổng số dân hoạt động của thành phố Sài Gòn.

Một vài sinh hoạt kinh tế, được xem như là tối quan trọng cho nền an ninh quốc gia (xe taxi, khách sạn, nhà hàng, hàng không dân sự vv..), chỉ xử dụng các cán bộ “cách mạng”, công an, mật vụ hoặc các nhân công khác gốc “gia đình cách mạng”. Các cựu nhân công, không có “sơ yếu lý lịch tốt” đều bị sa thải (không được bồi thường thiệt hại thâm niên, thất nghiệp). Chính sách cải tạo các lãnh vực kinh tế này đi đôi với việc giảm bớt nhân công, vì sinh hoạt kinh tế không còn thịnh vượng như xưa kia nữa. Việc hủy

bỏ tư thương từ các tỉnh về thành phố Hồ Chí Minh, không tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nền thương nghiệp quốc doanh. Trái lại, các hợp tác xã tiêu thụ phường không đủ khả năng thỏa mãn nhu cầu dân Sài Gòn về mặt lương thực và thực phẩm. Vì thiếu cung cấp điều hoà các nhu yếu phẩm, nên một số hợp tác xã lỗ vốn, phải tạm ngưng hoạt động hay phải đóng cửa.

Lạm phát phi mã, nạn bần cùng hoành hành trong giới lao động nghèo khổ, nạn thất nghiệp lan tràn khắp thành phố Hồ Chí Minh.

Mặc dù thế, nhà cầm quyền Hà Nội vẫn kiên quyết thực hiện chính sách cải tạo kinh tế Thành phố đến cùng, biến nền kinh tế này thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Khi hành động như thế, nhà nước muốn hạn chế số nhân công của khu vực dịch vụ như giới buôn bán, nhà hàng, cà phê vv.., cho rằng những thành phần này là “phần tử ký sinh trùng ăn bám xã hội, không sản xuất, không thích hợp với chế độ. Song song với chính sách cải tạo kinh tế, nhà nước tái phát động phong trào giảm dân Thành phố. Do một nghị quyết của Hội Đồng Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh năm 1978, tất cả các thành phần không có ”công ăn việc làm chắc chắn, không được xem như là lao động sản xuất“, không được quyền thường trú và có hộ khẩu tại thành phố. Khi quyết định hủy bỏ ”chế độ bao cấp lương thực và

thực phẩm“, chính quyền có ý định ”bản cùng hoá những thành phần này“, vì họ không được nhà nước bán nhu yếu phẩm với giá chính thức, họ sẽ không thể nào chịu đựng được lâu dài đời sống quá đắt đỏ ở thành phố. Sau rốt, dù muốn dù không, họ phải ”tình nguyện“ rời khỏi thành phố Sài Gòn, đi vùng kinh tế. Nhưng chính sách cai trị dân bằng ”bóp bao tử“, không đơn giản như thế. Một số người, nhờ có khả năng kỹ thuật hoặc có ”lý lịch tốt“, vẫn tìm được một cách nào đó, để có công ăn việc làm trong cơ quan nhà nước. Một số người khác cũng ”chạy chọt“, bằng cách đút lót, hối lộ các cán bộ cách mạng, trở thành ”công nhân viên“ hoặc được chính quyền địa phương cấp cho một môn bài thành lập một tổ hợp, một tiểu thủ công nghiệp gia đình. Lúc bấy giờ (năm 1978), dân ”Sài Gòn“ chạy đôn chạy đáo tìm một chỗ làm ”công nhân viên“ nhà nước, không phải là họ muốn có một địa vị xã hội hay lương bổng tốt để nuôi sống gia đình, mà họ chỉ cần có được hộ khẩu, để gia đình họ sống yên ổn, hợp pháp tại Thành phố, khỏi phải bị ”đày“ đi kinh tế mới. Lẽ dĩ nhiên, khi trở thành công nhân viên, họ không có tinh thần làm việc, không hăng say phục vụ nhà nước vì đồng lương quá thấp, không đáng bao nhiêu để không nói là ”lương chết đói“. Bởi vậy, họ phải tìm một việc làm riêng tư khác hoặc làm ”áp phe“, buôn bán chợ trời nuôi sống gia đình.

Nhưng đối với đa số thành phần ”ngụy quân và ngụy quyền“ (ngoại trừ các nhà khoa học, kỹ thuật như giáo sư đại học, chuyên viên, bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, kỹ sư vv..), tổng cộng có khoảng 200.000 người, bị nhà cầm quyền cho vào ”sổ bìa đen“. Họ không có phương cách nào tìm được công ăn việc làm trong cơ quan nhà nước. Lối thoát duy nhất của họ, để đảm bảo nuôi sống gia đình, là họ phải ”gia nhập vào giới buôn bán chợ trời“ hoặc ”chạy chọt làm áp phe“. Các hình thức thương mại này rất thịnh vượng và theo số thống kê của tòa Đô Chánh thành phố Hồ Chí Minh, thì có khoảng 141 chợ ”tự do“. Ôn ào náo nhiệt nhất là các chợ trời, tập trung xung quanh chợ Bến Thành (Quận nhất) và ở Chợ Lớn (chợ An Đông, quận 5). Tại các chợ trời, có đủ loại hàng hoá ngoại quốc, từ các nước ”tự bản“ du nhập vào (máy móc, đồ phụ tùng, máy thu thanh, radio-cassettes, máy truyền hình màu, thuốc lá thơm, đồ hộp, bia hộp, dược phẩm vv..). Những hàng hoá này do đồng bào tỵ nạn Cộng Sản rải rác khắp thế giới (Mỹ Châu, Á Châu, Úc Châu) gửi ”quà cáp“ giúp đỡ gia đình thân nhân còn bị kẹt ở Việt Nam. Ngoài ra, cũng có một số hàng hoá gốc từ biên giới Việt Miên, Miên - Thái được lén lút du nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh (cán bộ ”cách mạng“ hợp tác với các con buôn và giới đánh cá ngoài biển, để buôn bán các đồ lậu này). Tính trung bình có khoảng 200 tấn hàng hoá mỗi tháng được

gởi từ ngoại quốc về thành phố Hồ Chí Minh bằng đường hàng không, dưới hình thức là "quà tặng cho gia đình thân nhân". Hàng hoá ngoại quốc tràn ngập các chợ trời, trong khi ấy, các gian hàng quốc doanh không có những loại hàng hoá này. Điều mấu thuẫn là nền kinh tế Việt Nam đang trải qua một thời kỳ đen tối trong những năm 1978-1980, nhưng thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ bề ngoài là một thành phố thịnh vượng. Ở khắp khu phố thương mại, các quán bán cà phê, tiệm ăn bình dân mọc lên như nấm (trên lề đường, xung quanh chợ trời, ở các ngã tư đường phố tấp nập người qua lại, hoặc trong các nhà tư nhân thuộc giới trưởng giả).

Các sinh hoạt kinh tế này thịnh vượng, nuôi sống khoảng ba trăm ngàn dân lao động năm 1980, theo con số ước lượng của chính quyền địa phương, nghĩa là nhiều hơn gấp 3 lần so với thời VNCH. Sự gia tăng đột ngột dân hoạt động trong khu vực tư thương không những do hiện tượng "chuyển nghề" của giới lao động, bị chính sách cải tạo kinh tế gây nên, mà còn do khó khăn tài chánh của các thành phần trung lưu và trưởng giả Sài Gòn không thể tiếp tục ăn không ngồi rồi, trước vật giá tăng vọt, đời sống ngày càng đắt đỏ, đồng lương duy nhất của người chồng không đủ khả năng nuôi sống gia đình nữa được, nhất là khi người cột trụ của gia đình lại làm việc cho nhà nước. Bởi vậy, người vợ (trước kia chỉ ở nhà lo đảm đương nội trợ, chăm sóc con

cái) hoặc một trong các con của họ (Từ 14 hay 15 tuổi trở lên) phải nghỉ học, ra làm việc để kiếm thêm tiền giúp đỡ gia đình. Vợ con của các công nhân viên thường gia nhập vào đường dây "chợ trời", chuyên "bán chui" các nhu yếu phẩm.

#### 5/- Bất công bất bình đẳng xã hội trầm trọng và nạn cán bộ cách mạng tham nhũng lan tràn

Chính sách cải tạo kinh tế, thay vì tận diệt được các bất công xã hội, để tạo lập một xã hội mới bình đẳng, không giai cấp, mà luôn luôn Đảng và Nhà Nước tuyên truyền và đề cao, lại đưa đến những kết quả hoàn toàn trái ngược hẳn:

— Khối dân lao động nghèo khó càng ngày càng trở nên khốn khổ hơn nữa. Họ chỉ còn sống đắp đổi qua ngày, thất vọng và tuyệt vọng. Họ không còn nghĩ đến tương lai, không còn nghĩ đến ngày mai tốt đẹp hơn. Bị thiếu ăn, con cái của họ là nạn nhân của mọi thứ bệnh tật. Khi ngã bệnh, trẻ em không được chăm sóc thuốc men. Đa số trẻ con hầu hết đều mắc phải các chứng bệnh thông thường như bệnh ký sinh trùng, bệnh thiếu dinh dưỡng. Một số trẻ em trong tuổi cấp sách đến trường phải gián đoạn học hành, để làm đủ thứ công việc, kiếm tiền nuôi sống gia đình (bươi rác để tìm vỏ chai, túi nhựa bán ký, bán chui, buôn bán chợ trời, ăn mày, ăn cắp, móc túi, buôn son bán phấn).

— Mực sống của giới trung lưu và trưởng giả ngày càng



bị tụt giảm. Gia đình nào không có thân nhân ở ngoại quốc gửi "quà cáp" về giúp đỡ, bắt buộc phải sinh sống bằng cách xài tiền tiết kiệm trước kia, bán dần dần tài sản để ăn, trước còn bán tủ lạnh, máy truyền hình, đồ "mớp", sau đến bát đĩa song chảo và sau hết họ trở nên nghèo khổ. Các gia đình khác có phương tiện tài chánh, tìm đủ mọi phương cách, trốn thoát ra nước ngoài:

\* Nếu họ có nhiều tiền, họ tìm cách "đi chui", hối lộ công an để "mua bãi", dùng ghe nhỏ, vượt biển (trung bình phải chi hai "cây" (lạng vàng lá) cho mỗi đầu người).

\* Nếu tài chánh của họ eo hẹp, họ tìm cách cho một đứa con đi "chui", rồi sau đó, khi con họ thành công chạy thoát ra ngoại quốc, có công ăn việc làm, lập thủ tục hành chánh và nhờ quốc gia tiếp nhận con họ can thiệp, để họ xuất ngoại chánh thức đoàn tụ gia đình.

\* Một số gia đình Sài Gòn khá giả hối lộ công an, thành công làm giấy tờ giả (gia đình con lai Pháp, gia đình có con cái sống ở nước ngoài vv..) và nhờ đó được xuất ngoại chánh thức.

Gia đình nào trốn "chui" bị công an bắt được, nhà cửa của họ bị tịch thu, họ bị mất hộ khẩu, bị lưu đày. Gia đình nào xuất ngoại chính thức, họ phải làm đơn "hiến" cho chánh phủ nhà cửa. Họ có thể móc ngoặc với cán bộ Cách Mạng, lo giấy tờ cho họ được xuất cảnh, rồi lập thủ tục giấy

tờ bán rẻ lại nhà cho cán bộ này. Giới trung lưu và giới trưởng giả Sài Gòn dần dần bỏ nước ra đi. Cán bộ "cách mạng" từ miền Bắc vào chiếm ngụ nhà của họ, tạo thành một gia cấp "thượng lưu" mới mẻ. Hầu hết, họ xuất thân từ một gia đình khiêm tốn, dốt nát, họ trở thành những gia đình giàu có, trong một khoảng thời gian ngắn độ vài ba năm. Vì không thụ hưởng các phương tiện vật chất trong 30 năm chiến tranh, nên các cán bộ miền Bắc dễ bị cám dỗ, trước nếp sống vật chất của dân Sài Gòn. Vì ham muốn hưởng tiện nghi vật chất, nên họ phải tham nhũng. Nạn tham nhũng dưới chế độ Cộng Sản trầm trọng gấp bội phần so với thời VNCH, lan tràn ở khắp mọi nơi, từ cán bộ cao cấp đến cán bộ cấp thấp ở các phường. Giới buôn gánh bán bưng, các quán cà phê, các quán ăn bình dân ở vỉa hè phải "chung" cho công an khu phố vài trăm đồng mỗi tháng, để được yên ổn làm ăn, khỏi bị chánh quyền địa phương bắt thân "ráp bố" và cấm bán hàng. Ngụy quân và ngụy quyền, sau khi học tập cải tạo "tốt", được tạm phóng thích, phải hối lộ công an phường, mới có thể sớm được trả lại quyền công dân. Số tiền "mua chuộc" này khoảng từ 500 đến 700 đồng (năm 1978 - 1979). Ở cấp quận, cán bộ cách mạng cao cấp đòi hỏi tiền "trả nước" nhiều hơn:

— 1.500 đến 2000 đồng / mỗi người được ghi vào hộ khẩu

— 2 đến 3 lượng vàng để được cấp giấy phép thành lập một tiểu thủ công nghiệp gia đình

— 3 đến 4 lượng vàng mỗi người được cấp giấy xuất cảnh để đoàn tụ gia đình.

— 10 lượng vàng mỗi người để được công an cấp giấy "xuất cảnh bán chánh thức". bằng đường biển:

— "Thuyền nhân" gốc Trung Hoa: Từ 8 đến 10 lượng vàng

— "Thuyền nhân" gốc Việt Nam : Từ 10 đến 12 lượng (2 lượng để hối lộ công an làm thẻ căn cước giả gốc Trung Hoa).

Tóm lại, chính sách cải tạo kinh tế thành phố Hồ Chí Minh trong những năm 1978-1979, thay vì thúc đẩy các xí nghiệp gia tăng sản xuất và đem lại "trật tự xã hội chủ nghĩa", lại là những nguyên nhân đưa đến sụp đổ của các sinh hoạt kinh tế Thành phố. Trước sự thất bại của chính sách cải tạo, Hội Đồng Bộ Trưởng phải áp dụng nhiều biện pháp mới mẻ, để tránh nạn suy sụp kinh tế, nạn thất nghiệp tràn lan ở Thành phố:

a/- Các ngành kỹ nghệ, may cắt quần áo, kỹ nghệ hoá học và dược phẩm phải chuyển hướng hoạt động. Vì thiếu nguyên liệu, nên các xí nghiệp không thể được tận dụng đúng với năng suất của chúng. Để tránh sa thải nhân công dư thừa, Việt Nam ký hợp đồng với các xí nghiệp của khối

Liên Xô (nước Liên Xô, Đông Đức, Tiệp Khắc vv..): các nước này cung cấp nguyên liệu và các mẫu hàng cho các xí nghiệp Việt Nam. Sau khi sản xuất ra chế phẩm, Việt Nam xuất cảng tất cả hàng hoá này sang các nước đã cung cấp cho Việt Nam nguyên liệu và nhận lấy tiền hoa hồng chế biến.

b/- Tất cả các xí nghiệp quốc doanh phải đảm bảo tự túc cho công nhân về lương thực mỗi ba tháng trong năm. Nhà nước cấp cho các xí nghiệp đất hoang. Xí nghiệp đầu tư tài chánh cùng nhân lực để khai khẩn đất này, biến thành đất nông nghiệp. Tất cả công nhân xí nghiệp, từ thủ trưởng đến công nhân phải làm nghĩa vụ "lao động xã hội chủ nghĩa", mỗi tháng từ 7 đến 10 ngày. Mỗi nhóm lao động tập thể, sau khi thực hiện xong công tác, được một nhóm khác thay thế, và cứ như thế, các công nhân xí nghiệp tiếp tục lao động tập thể, trong các nông trại quốc doanh. Vấn đề di chuyển công nhân từ xí nghiệp đến nông trại do xí nghiệp đài thọ, công nhân phải tự túc lương thực, trong suốt thời gian lao động tập thể tại nông trại. Thực ra, biện pháp này nhằm giải quyết vấn đề thiếu tận dụng nhân công trong các xí nghiệp. Để tránh việc sa thải nhân công (vì thiếu nguyên liệu đảm bảo xí nghiệp hoạt động bình thường), nhà nước phải giảm năng suất của các xí nghiệp và chuyển số công nhân thặng dư định kỳ qua ngành sản xuất nông nghiệp.

Nhưng nông trại của các xí nghiệp quốc doanh lại đặt cho chánh phủ nhiều vấn đề khó khăn khác. Công nhân xí nghiệp không có kinh nghiệm và không hiểu biết gì về kỹ thuật trồng tía. Hơn nữa, họ không quen lao động cày, bừa, cuốc đất vv.. do đó, họ không thể thích ứng với nhiệm vụ mới mẻ này. Mặt khác, lao động tập thể là cơ hội để công nhân trốn trách nhiệm. Họ làm việc cầu thả, cày cuốc nông cạn, trồng cây hoặc cấy lúa không đúng với kỹ thuật do cấp chỉ huy hướng dẫn. Vì thiếu phân bón, thiếu thuốc trừ sâu, thiếu chăm sóc cây trồng, nên mùa màng của các nông trại xí nghiệp quốc doanh thường bị thất thoát và bị sâu rầy, côn trùng, chuột, thú vật phá hoại. Hầu hết các nông trại bị lỗ lã, không sản xuất đủ lương thực để bảo đảm công nhân xí nghiệp tự túc ba tháng mỗi năm. Sau cùng, các xí nghiệp phải hủy bỏ các nông trại quá tốn kém, không có lợi về mặt kinh doanh.

c/- Chính sách cải tạo kinh tế trong lãnh vực đệ tam đảng cũng chuốc lấy nhiều thất bại. Chợ trời và các sinh hoạt dịch vụ khác (quán cà phê, quán ăn bình dân, nhà hàng tư nhân vv..) phát đạt, làm thiệt hại cho các ngành thương nghiệp quốc doanh. Bởi vậy, chính sách giảm dân thành phố Hồ Chí Minh, bằng cách chuyển nghiệp các thành phần lao động không sản xuất tiểu thương, giới buôn bán chợ trời, buôn gánh bán bưng, cà phê vv..) sang các "lãnh vực thật

sự sản xuất" (nông nghiệp, chăn nuôi, ngư nghiệp, lâm nghiệp vv..) không có hiệu quả. Bằng bất cứ giá nào và bằng đủ mọi phương cách, giới tư thương kể trên vẫn sống bám chặt vào thành phố Hồ Chí Minh và từ chối không tình nguyện đi vùng kinh tế mới sinh cơ lập nghiệp.

Nạn lạm phát, nạn phí phạm ngân sách của các xí nghiệp quốc doanh, nạn thất nghiệp lan tràn và nạn cán bộ cách mạng hối lộ đưa đến hậu quả là nhân dân Sài Gòn mất lòng tin đối với chánh phủ; và sự kiện này đưa đến hậu quả là giới lãnh đạo cao cấp trong nội bộ Đảng bất đồng quan điểm với nhau, hai phe đối nghịch nhau, tranh chấp, tranh giành nắm quyền hành, trong kỳ họp lần thứ VI của ban chấp hành trung ương Đảng, vào cuối tháng 9 năm 1979 :

— Phe "giáo điều", thuộc thế hệ già nua, được đào tạo theo chủ thuyết Staline, đòi hỏi thực hiện một chính sách cứng rắn, triệt để xã hội hoá miền Nam, để sát nhập càng sớm càng tốt nền kinh tế miền Nam vào hệ thống xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

— Phe "canh tân thực tiễn", thuộc thành phần tương đối trẻ hơn đôi chút, gồm các cán bộ khoa học kỹ thuật và các cán bộ gốc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lại đề nghị một chính sách mềm dẻo, thực tiễn cho tự do "tương đối" về mặt kinh tế, nên khuyến khích phát triển tiểu thương, tư thương bán lẻ, cho tự do lưu thông hàng hoá từ các tỉnh về

thành phố Hồ Chí Minh vv.. Họ đề nghị áp dụng chính sách này không những ở phía Nam, mà cần mở rộng thêm về miền Bắc.

Trong kỳ họp lần thứ VI của ban chấp hành Trung Ương Đảng nêu trên, nhiều nghị quyết đã được ban hành, dùng làm nền tảng cho một chính sách phát triển kinh tế tại miền Nam.